

Bài báo nghiên cứu

**SỰ CAN THIỆP CỦA CÁC NƯỚC LỚN TỚI KẾT QUẢ
CỦA HỘI NGHỊ GENEVA 1954**

Vũ Hùng Phi

Trường Đại học Sài Gòn, Việt Nam

Tác giả liên hệ: Vũ Hùng Phi – Email: vtpplan@gmail.com

Ngày nhận bài: 20-7-2022; ngày nhận bài sửa: 22-02-2023; ngày duyệt đăng: 26-02-2023

TÓM TẮT

Hiệp định Geneva ngày 20/7/1954 là một thắng lợi ngoại giao to lớn của nhân dân ba nước Đông Dương sau gần chín năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1954), song nó chưa trọn vẹn. Bản Hiệp định đã không phản ánh đúng thế và lực của các bên trên chiến trường. Bài viết này phân tích, chỉ ra những toan tính chiến lược của các nước lớn và cách thức cụ thể mà họ dùng để can thiệp tới kết quả của Hội nghị Geneva. Trong đó, nổi bật lên vai trò của Trung Quốc và Mỹ. Phía Mỹ muốn sử dụng biện pháp quân sự, không chịu kí kết Hiệp định. Còn Trung Quốc thì sốt sắng giành xếp, gây sức ép với đồng minh, thậm chí “đi đèm” với các cường quốc khác để có được sự thỏa hiệp. Kết quả của sự can thiệp này là một nước Việt Nam bị chia cắt tại vĩ tuyến 17 và một cuộc chiến kéo dài 20 năm sau đó trên bán đảo Đông Dương.

Từ khóa: Hội nghị Geneva; cường quốc; lịch sử đối ngoại Việt Nam; can thiệp; Đông Dương; quan hệ quốc tế

1. Đặt vấn đề

Kể từ giữa thập niên 50 của thế kỉ XX, nhu cầu hòa hoãn giữa các nước lớn bắt đầu xuất hiện nhằm làm dịu bớt căng thẳng, tránh những hành động leo thang có thể dẫn tới chiến tranh thế giới. Tháng 6/1953, các bên tham chiến ở Triều Tiên đã đạt được thỏa thuận ngừng bắn tại Bàn Môn Điếm, lấy vĩ tuyến 38 làm ranh giới quân sự tạm thời. Sự kiện này cho thấy, các cuộc xung đột quốc tế dù ở mức độ nào cũng đều có thể giải quyết bằng con đường ngoại giao. Tháng 01/1954, bốn nước Anh, Pháp, Mỹ và Liên Xô nhất trí với nhau sẽ mở hội nghị quốc tế ở Geneva (Thụy Sĩ) để bàn về việc giải quyết cuộc chiến tranh ở Đông Dương.

Hội nghị Geneva 1954 tuy được triệu tập để kết thúc chiến tranh và lập lại hòa bình ở Đông Dương, nhưng thực tế, các cường quốc tham dự Hội nghị này đã lợi dụng nó như một cơ hội để thỏa hiệp, đổi chác lợi ích với nhau, bất chấp nguyện vọng chính đáng của các dân tộc nhỏ yếu. Bài viết sẽ phân tích những tính toán và cách thức để các cường quốc tham dự

Cite this article as: Vu Hung Phi (2023). The intervention of great power to the outcome of the Geneva conference 1954. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 20(2), 337-351.

Hội nghị Geneva đạt được mục tiêu của họ; đồng thời cho thấy những khó khăn của cách mạng Việt Nam trên bàn cờ quốc tế vào thời điểm này.

2. Giải quyết vấn đề

2.1. Những tính toán của Trung Quốc

Đến đầu năm 1954, gần 5 năm sau khi thành lập, Cộng hòa Nhân dân (CHND) Trung Hoa đã thiết lập quan hệ ngoại giao với hầu hết các nước trong phe xã hội chủ nghĩa (XHCN), nhưng chính quyền Mao Trạch Đông chưa được cường quốc phương Tây nào công nhận. Trong suốt gần ấy năm, mặc dù làm chủ toàn bộ đại lục nhưng CHND Trung Hoa chưa thể gia nhập Liên Hiệp Quốc và đương nhiên có không ghế trong Hội đồng Bảo an. Vị trí này của Trung Quốc vẫn do chính quyền Trung Hoa Dân quốc nắm giữ. Về mặt đối ngoại, Hội nghị Geneva là cơ hội để Bắc Kinh mở rộng quan hệ với phương Tây, phá thế bao vây. Lần đầu tiên CHND Trung Hoa tham dự một diễn đàn ngoại giao tầm cỡ thế giới. Nếu có đóng góp đáng kể vào kết quả của Hội nghị này, vị thế và uy tín của họ trên trường quốc tế sẽ được nâng cao rất nhiều. Đây còn là một dịp hiếm có để Đảng Cộng sản Trung Quốc thể hiện vai trò của mình trong phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

Cũng cần nói thêm là lúc bấy giờ, tình hình giữa hai bờ eo biển Đài Loan đang hết sức căng thẳng. Được sự trợ giúp của Mỹ, chính quyền Tưởng Giới Thạch đã cho xây dựng những căn cứ quân sự ở các đảo Mã Tổ và Kim Môn, chỉ cách Đại Lục vài chục cây số theo đường chim bay. Điều này khiến Bắc Kinh cảm thấy bị uy hiếp nghiêm trọng. Các nhà lãnh đạo Trung Quốc cho rằng nếu căng thẳng tại Đài Loan và cuộc xung đột tại Đông Dương tiếp tục leo thang, không loại trừ khả năng Mỹ sẽ nhảy vào can thiệp trực tiếp, và như vậy, Trung Quốc có thể bị lôi kéo vào những cuộc chiến tranh mới. Trong bối cảnh đất nước chuẩn bị bắt tay vào thực hiện kế hoạch 05 năm lần đầu tiên, các nhà lãnh đạo Trung Quốc mong muốn tạo dựng một môi trường hòa bình, ổn định để tập trung phát triển kinh tế.

Những người cầm quyền Trung Quốc hi vọng tạo được một khu đệm ở Đông Nam Á, ngăn chặn Mỹ thay thế Pháp vào Đông Dương, tránh được sự đụng đầu trực tiếp với Mỹ, bảo đảm an ninh cho biên giới phía nam Trung Quốc, đồng thời hạn chế thắng lợi của Việt Nam (Vietnam's Minister of Foreign Affairs, 1979, p.27).

Vì những lí do trên, Trung Quốc rất coi trọng Hội nghị Geneva. Trong cuộc gặp riêng giữa Chu Ân Lai và Mao Trạch Đông trước khi Chu lên đường đi Moscow để tham dự Hội nghị, Mao đã căn dặn: “Đồng chí Ân Lai này, nhiệm vụ xuất chinh dẫn đoàn lần này không nhẹ nhàng đâu!” (Ly, 2008, p.271). Tiếp đó, ngày 19/4, Ban lãnh đạo Đảng Cộng sản Trung Quốc đã trao cho phái đoàn nước này những chỉ thị sau: *thứ nhất*, thực hiện ngoại giao tích cực tại Geneva để phá vỡ chính sách cô lập và cấm vận của Mỹ đối với Trung Quốc và giảm căng thẳng thế giới; *thứ hai*, cố gắng kí kết các thỏa thuận để tạo tiền lệ cho việc giải quyết các vấn đề quốc tế thông qua đối thoại giữa các cường quốc. (Zhai, 2000, p.52)

Đối với vấn đề Đông Dương, đặc biệt là Việt Nam, những nhà cầm quyền Trung Quốc đã sớm có sách lược về việc kết thúc chiến tranh. Ngày 24/8/1953, Thủ tướng Chu Ân Lai

tuyên bố rằng việc đình chiến ở Triều Tiên (sử dụng một đường giới tuyến để chia đôi hai khu vực tập kết quân) có thể làm mẫu cho những cuộc xung đột khác (Vietnam's Minister of Foreign Affairs, 1979, p.26). Tháng 3/1954, Chu Ân Lai triệu tập Kiều Quán Hoa và Hoàng Hoa – những người từng đàm phán với phương Tây tại Bàn Môn Điếm – tham gia vào phái đoàn của Trung Quốc dự Hội nghị Geneva lần này, để họ có thể “đóng góp những kinh nghiệm và chuyên môn của mình” (Zhai, 2000, p.50). Xuyên suốt Hội nghị Geneva, Trung Quốc sẵn sàng tính đến chuyện chia cắt Việt Nam để thỏa hiệp với các cường quốc phương Tây. Ngày 02/3/1954, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc gửi điện cho Đảng Lao động Việt Nam đề nghị Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (VNDCCH) cử đoàn tham gia Hội nghị Geneva. Bức điện có đoạn viết: “Bất luận Hội nghị Geneva có kết quả thế nào, chúng ta đều nên tích cực tham gia. Vì vậy, hi vọng các đồng chí nên nhanh chóng tiến hành công tác chuẩn bị, lập đoàn đại biểu tham gia, thu thập tài liệu liên quan, lên các phương án đàm phán khác nhau... Nếu muốn đình chiến, tốt nhất nên có một giới tuyến tương đối cố định, có thể đảm bảo được một khu vực tương đối hoàn chỉnh. Trên thực tế, *giới tuyến đình chiến hôm nay có thể trở thành ranh giới chia cắt trong ngày mai...* Đường giới tuyến này càng xuống phía Nam càng tốt. Có thể tham khảo Vĩ tuyến 16 độ Bắc” (Nguyen, 2016, p.84).

Những nhà cầm quyền Trung Quốc rất kì vọng vào sự thành công của Hội nghị Geneva, thế nên, họ không ngần ngại gây áp lực lên phía VNDCCH để đạt được mục đích. Trong cuộc tiếp kiến Chủ tịch Hồ Chí Minh và Phó Thủ tướng Phạm Văn Đồng vào cuối tháng 3/1954, Mao Trạch Đông cùng các lãnh đạo cấp cao của Trung Quốc kêu gọi phía Việt Nam nỗ lực hết sức để đạt được kết quả tại Geneva (Zhai, 2000, p.51). Tại cuộc họp trú bị đượ tổ chức ở Moscow với sự tham gia của Liên Xô, Trung Quốc và Việt Nam trước khi khai mạc Hội nghị Geneva, Chu Ân Lai tuyên bố: Trong trường hợp cuộc chiến ở Đông Dương mở rộng, chính phủ của ông ta không thể viện trợ thêm cho Việt Minh được nữa (Joyaux, 1981, p.109-110).

2.2. Vai trò của Liên Xô

Liên bang Xô-viết là một trong bốn nước kiến tạo Hội nghị Geneva. Tuy rằng Đông Nam Á không phải là khu vực có lợi ích “sát sườn” với Liên Xô như Đông Âu, nhưng Moscow cũng muốn có được ảnh hưởng nhất định ở khu vực này. Nhờ Hội nghị Geneva mà vị thế hàng đầu trong phong trào cộng sản và giải phóng dân tộc của Liên Xô sẽ được củng cố. Mặt khác, Liên Xô cũng muốn củng cố thông qua Hội nghị này để giảm bớt căng thẳng với phương Tây. Kể từ khi Khrushchev lên nắm quyền lãnh đạo tối cao Đảng Cộng sản Liên Xô, ông ta đã đưa ra một chính sách đối ngoại mới, đó là “cùng tồn tại hòa bình”, “quá độ hòa bình”, “thi đua hòa bình”. Liên Xô e ngại phong trào giải phóng dân tộc sẽ như “đốm lửa cháy rừng”, cản trở sự hòa hoãn, ảnh hưởng đến mục tiêu chiến lược của Liên Xô (Pham, 2018, p.131). Nói cách khác, Liên Xô đưa ra sáng kiến triệu tập Hội nghị, nhằm thúc đẩy hòa dịu quốc tế, buộc Mỹ phải chấp nhận ngồi vào bàn thương lượng để giải quyết các cuộc xung đột bằng biện pháp hòa bình (Nguyen (ed), 2014, p.140).

Để tăng thế mạnh đàm phán, từ tháng 12/1953, Liên Xô đã đưa ra đề nghị họp 5 nước lớn (trong đó có CHND Trung Hoa) để bàn các vấn đề ở Viễn Đông. Tại Hội nghị Berlin (tháng 01/1954), với sự tham gia của bốn cường quốc là Anh, Pháp, Mĩ và Liên Xô, Ngoại trưởng Mĩ John F. Dulles khăng khăng tập trung vào vấn đề Đức và Áo, gạt bỏ việc triệu tập hội nghị 5 nước lớn có sự tham gia của Trung Quốc để bàn về việc làm giảm tình hình căng thẳng ở Viễn Đông. Nhưng do Liên Xô kiên trì đấu tranh, Anh và Pháp có thái độ thực tế, cuối cùng Mĩ phải chấp nhận gợi ý của Liên Xô, đồng ý triệu tập Hội nghị quốc tế có đại diện CHND Trung Hoa tham dự tại Geneva từ ngày 26/4/1954 để bàn giải pháp chính trị cho vấn đề Triều Tiên và giải quyết chiến tranh Đông Dương (Luu, 1996, p.170).

Ngoài ra, Liên Xô rất muốn lôi kéo Pháp để nước này không gia nhập Cộng đồng phòng thủ châu Âu (EDC) do Mĩ dẫn đầu chống Liên Xô. Với Moscow, “hiệp ước đình chiến ở Đông Dương đồng nghĩa với việc Pháp ít ủng hộ EDC vì Quốc hội Pháp sẽ không lo ngại về mối đe dọa cộng sản ở châu Âu nếu mối đe dọa cộng sản ở Việt Nam đã suy giảm” (Pham, 2018, p.64-65). Lúc này đối với các nhà lãnh đạo Liên Xô, cơ hội để phá kế hoạch tái vũ trang quân đội Tây Đức và ngăn Pháp gia nhập EDC quan trọng hơn việc tiếp tục một cuộc chiến tranh cách mạng ở Đông Nam Á (Zhai, 2000, p.52).

Liên Xô về cơ bản muốn VNDCCH có thể giành được độc lập và thống nhất nếu có thể. Một quốc gia cộng sản mạnh ở Đông Nam Á có lợi cho Liên Xô cũng như khối xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, trong quá trình diễn ra Hội nghị Geneva, Liên Xô dù là một trong hai nước đồng chủ tịch, nhưng đã không thể áp đặt Hội nghị theo hướng này. Liên Xô có xu hướng đồng ý với các thỏa hiệp của Trung Quốc, dẫn đến tình trạng Việt Nam bị chia cắt sau Hội nghị (Nguyen, 2016, p.88).

Khi bàn về tính khả thi của Hội nghị Geneva trong cuộc họp trù bị giữa Liên Xô, Trung Quốc và Việt Nam, Tổng bí thư Khrushchev nhận định: “Không nên đặt nhiều hi vọng vào Hội nghị này, cũng không nên kì vọng nó sẽ giải quyết được nhiều vấn đề, có khả năng hội nghị này về cơ bản không giải quyết được vấn đề gì, cũng rất khó dự báo trước được kết cục” (Zhai, 2000, p.52). Ông ta chỉ muốn “lợi dụng cơ hội của Hội nghị quốc tế này, nêu rõ nguyên tắc lập trường cũng như phương châm, chính sách đối với tất cả các vấn đề liên quan, đó đã là một sự thu hoạch” (Nguyen, 2016, p.88). Còn Ngoại trưởng Molotov thì cho rằng: “Không thể sắp đặt mọi thứ theo kế hoạch và phương châm mình đã định... cần vừa đi vừa nghe ngóng, tùy cơ ứng biến, tìm đối sách, linh hoạt ứng dụng” (Nguyen, 2016, p.88-89). Trái với Trung Quốc, Liên Xô không có sự tính toán hay ý đồ cụ thể, rõ ràng. Liên Xô phụ thuộc khá nhiều vào quan điểm của Trung Quốc và Việt Nam từ giai đoạn chuẩn bị cho tới lúc Hội nghị Geneva diễn ra.

2.3. Quan điểm của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa

Về phía VNDCCH, kể từ khi chiến tranh nổ ra, họ vẫn đề ngò khả năng giải quyết xung đột với Pháp bằng con đường ngoại giao. Ngày 26/11/1953, trả lời phỏng vấn của báo Expressen về việc chấm dứt cuộc chiến ở Đông Dương, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định:

“Nếu Chính phủ Pháp đã rút được bài học trong cuộc chiến tranh mấy năm nay, muốn đi đến đình chiến ở Việt Nam bằng cách thương lượng và giải quyết vấn đề Việt Nam theo lối hòa bình thì nhân dân và Chính phủ Việt Nam Dân chủ cộng hòa sẵn sàng tiếp ý muốn đó”. Đồng thời, Hồ Chủ tịch cũng nêu lên cơ sở quan trọng để đình chiến là “Chính phủ Pháp thật thà tôn trọng nền độc lập thật sự của nước Việt Nam” (Ho Chi Minh, 2011, p.340)

Tiếp đó, nhân kỉ niệm ngày Toàn quốc kháng chiến (19/12/1953), Chủ tịch Hồ Chí Minh một lần nữa nhắc lại lập trường của Việt Nam về đàm phán: “Bởi vì thực dân Pháp cứ tiếp tục cuộc chiến tranh xâm lược cho nên nhân dân Việt Nam quyết đánh mạnh hơn nữa... Nhưng nếu chính Chính phủ Pháp muốn đi đến đình chiến ở Việt Nam bằng cách thương lượng và muốn giải quyết vấn đề Việt Nam theo lối hòa bình thì nhân dân và Chính phủ nước VNDCCH cũng sẵn sàng nói chuyện” (Ho Chi Minh, 2011, p.369).

VNDCCH hiên ngang đến dự Hội nghị Geneva với tư cách là người chiến thắng, trái ngược hẳn với người Pháp đang rệu rã về tinh thần sau khi đại bại ở Điện Biên Phủ. Trưởng đoàn của Pháp là Bidault đã than vãn rằng, Pháp tới Hội nghị khi trong tay chỉ có những quân bài không đáng giá là “hai quân nhép và ba quân rô” (Herring, 1979, p.36).

Để cụ thể hóa lợi thế chính trị to lớn tại Hội nghị Geneva, đại diện VNDCCH là Phó Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã đưa ra bản đề nghị tám điểm, nêu lên quan điểm của Đoàn mình:

1. Pháp công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, Lào và Campuchia;
2. Kí một hiệp định về việc rút quân đội nước ngoài ra khỏi Việt Nam, Lào và Campuchia trong thời hạn do các bên tham chiến ấn định. Trước khi rút quân, đạt thỏa thuận về nơi đóng quân của lực lượng Pháp hay Việt Nam trong một số khu vực hạn chế;
3. Tổ chức tổng tuyển cử tự do trong ba nước nhằm thành lập Chính phủ duy nhất cho mỗi nước;
4. Việt Nam Dân chủ cộng hòa tuyên bố ý định xem xét việc tự nguyện tham gia khối Liên hiệp Pháp và những điều kiện của việc gia nhập đó. Các chính phủ Campuchia và Lào cũng ra những bản tuyên bố tương tự;
5. Việt Nam Dân chủ cộng hòa, Lào và Campuchia thừa nhận các quyền lợi về văn hóa kinh tế của nước Pháp ở ba nước. Sau khi các chính phủ duy nhất được thành lập, các quan hệ kinh tế và văn hóa được giải quyết theo đúng các nguyên tắc bình đẳng và cùng có lợi;
6. Hai bên cam kết không truy tố những người hợp tác với đối phương trong thời gian chiến tranh;
7. Trao đổi tù binh;
8. Các biện pháp nói trên sẽ được thực hiện sau khi đình chỉ chiến sự, Pháp và ba nước Đông Dương kí những hiệp định về từng nước trên cơ sở dưới đây:

a. Ngừng bắn trên toàn Đông Dương và đồng thời với việc điều chỉnh các lãnh thổ và khu vực mà các bên chiếm giữ.

b. Ngừng việc đưa bộ đội mới, vũ khí và đạn dược vào Đông Dương.

c. Thiết lập một hệ thống kiểm soát các Ủy ban liên hợp gồm các đại diện của các bên tham chiến (Luu, 1996, p.176-178).

Đề nghị tám điểm của VNDCCH nhận được sự ủng hộ của Liên Xô và đồng thuận Trung Quốc nhưng lại không được phía Pháp chấp nhận. Lập trường của VNDCCH và của Pháp vẫn còn một khoảng cách lớn. Phía Pháp không nêu lên cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của ba nước Đông Dương; không đề cập tổng tuyển cử; muốn tập kết, chuyển quân tại hai vùng được phân giới rõ ràng, chứ không muốn tiến hành tại các điểm xen kẽ kiểu da báo... Đặc biệt, do sự cản trở quyết liệt của Mỹ, Hội nghị Geneva giai đoạn đầu hầu như bế tắc.

2.4. Ý định của Hoa Kỳ

Từ năm 1949, Hoa Kỳ bắt đầu viện trợ cho Pháp và chính quyền của Bảo Đại nhằm giải quyết cuộc chiến ở Đông Dương trên thế thắng. Trong những năm 1953 – 1954, Hoa Kỳ tăng mạnh viện trợ, đồng thời gây sức ép buộc Pháp phải quyết tâm duy trì cuộc chiến tranh. Trong mắt giới lãnh đạo Mỹ, phe cộng sản là một khối thống nhất và cứng rắn, có dã tâm bành trướng thế lực ra khắp thế giới. Họ cho rằng, Việt Minh cũng giống như Bắc Triều Tiên, được khối XHCN giúp sức và làm theo sự chỉ đạo của Liên Xô và Trung Quốc. Do đó, Mỹ không muốn thương lượng với VNDCCH và càng không muốn có sự thỏa thuận nào với Trung Quốc.

Trong Hội nghị Berlin (tháng 01/1954), khi Ngoại trưởng Liên Xô Molotov đề nghị cho CHND Trung Hoa tham dự cuộc đàm phán tại Geneva, Ngoại trưởng Mỹ Dulles đã tỏ thái độ khó chịu khi hỏi: “Chu Ân Lai là ai mà việc để ông ta ngồi họp với chúng ta khiến cho mọi vấn đề lâu nay không thể giải quyết được lại có thể giải quyết được?” (Joyaux, 1981, p.155). Ngoại trưởng Mỹ còn công khai tuyên bố rằng, cách duy nhất để ông và Thủ tướng Chu Ân Lai gặp nhau là hai xe ô tô của họ đâm vào nhau. Thậm chí Dulles còn tiêu cực đến mức không thèm thực hiện phép tắc ngoại giao cơ bản khi ông ta từ chối bắt tay và quay lưng lại với Chu Ân Lai (Herring, 1998, p.47).

Hồ sơ tối mật của Bộ Quốc phòng Mỹ về Chiến tranh Việt Nam tiết lộ rằng, chính quyền Mỹ lúc đó tham vọng giúp Pháp giành thắng lợi quân sự, đề bẹp ý chí của Việt Minh. Ngoại trưởng Mỹ Dulles đã nói với Đại sứ Pháp tại Mỹ là Henri Bonnet rằng chia cắt Đông Dương là “phi thực tế” và việc thành lập chính phủ liên hiệp với cộng sản là “sự bắt đầu của thảm họa” (United States Department of Defense, 1967, p.A-7). Sở dĩ Dulles nói như vậy vì Mỹ tin rằng việc thành lập một chính phủ liên hiệp phải dựa trên kết quả tổng tuyển cử. Nhưng với sự ủng hộ của đa số nhân dân, ông Hồ Chí Minh sẽ giành một chiến thắng áp đảo nếu tổng tuyển cử. Hội đồng Tham mưu trưởng Liên quân Mỹ phân tích thêm: “Người cộng sản, với năng lực tuyên truyền siêu việt, có thể sẵn sàng chuyển hướng vấn đề bầu cử trở

thành sự lựa chọn giữa độc lập dân tộc và bị thực dân Pháp đô hộ” (United States Department of Defense, 1967, p.A-6).

Ngày 04/4/1954, Tổng thống Mĩ Eisenhower viết thư cho thủ tướng Anh Churchill: “Không có giải pháp đàm phán cho vấn đề Đông Dương, về bản chất, không thể coi giải pháp này là một cách giữ thể diện khi Pháp đầu hàng hay khi Việt Minh rút lui” (United States Department of Defense, 1967, p.A-7). Khi quân Pháp ở Điện Biên Phủ lâm vào tình thế nguy cấp, Mĩ đã tính đến phương án cho máy bay B-29 ném bom ồ ạt, thậm chí sử dụng cả vũ khí hạt nhân để giải vây (Herring, 1979, p.29). Ngày 24/4, Ngoại trưởng Mĩ Dulles đã hỏi riêng người đồng cấp bên phía Pháp là Bidaut: “Ông tính sao, nếu chúng tôi cho các ông hai quả bom nguyên tử?” (Joyaux, 1981, p.130).

Trong suốt tháng 4, Mĩ nỗ lực tối đa để lôi kéo Anh quốc vào cái gọi là “Hành động liên hiệp” (hay “hành động chung”), thực chất là một liên minh quân sự nhằm đảo ngược tình thế tại Đông Dương, cũng như gây sức ép buộc Pháp không thỏa thuận với Việt Minh. Nhưng kết quả không như ý muốn của Mĩ. Chính phủ Anh kiên quyết từ chối việc can thiệp trực tiếp vào Đông Dương. Thủ tướng Churchill và Ngoại trưởng Eden tin rằng Pháp có thể vót vát được một giải pháp hợp lí tại Geneva. Quan trọng hơn, họ không muốn tham dự vào một cuộc xung đột quốc tế mà họ cảm thấy đầy bế tắc. Còn với Pháp, nước này đã mệt mỏi với cuộc chiến tranh kéo dài nhưng không có triển vọng. Người Pháp cũng không sẵn lòng nhận sự yểm trợ của Mĩ để đổi lấy việc trao trả “độc lập” hoàn toàn cho Việt Nam. Rốt cục, Hoa Kỳ đành phải chấp nhận đưa vấn đề Đông Dương vào chương trình nghị sự tại Geneva. Nhưng chính quyền Eisenhower không dễ dàng từ bỏ mục tiêu ban đầu. Trong Hội nghị Geneva, Ngoại trưởng Dulles chỉ tham dự các phiên thảo luận về Triều Tiên. Còn giai đoạn đàm phán về Đông Dương, ông ta không tham dự mà giao quyền lại cho cấp phó của mình là Thứ trưởng Smith.

Ngày 08/5/1954, khi Hội nghị Geneva bắt đầu thảo luận về vấn đề Đông Dương, Hội đồng An ninh quốc gia Mĩ đã đưa ra những chỉ dẫn chính sách cho quá trình đàm phán của nước này tại Geneva:

“Mĩ sẽ không tham gia bất kì đề xuất nào hướng đến một thỏa thuận ngừng bắn trước khi một hiệp định đình chiến có thể chấp nhận được đưa ra, bao gồm kiểm soát quốc tế. Mĩ có thể tán thành việc bắt đầu đàm phán cho một hiệp định đình chiến như vậy. Trong quá trình đàm phán ấy, Pháp và các nước liên minh phải tiếp tục đối chọi với Việt Minh. Trong lúc đó, để củng cố vai trò của Pháp và các nước liên minh trong thời gian đàm phán, Mĩ sẽ tiếp tục chương trình viện trợ của mình và nỗ lực xây dựng, trang bị kịp thời cho một lực lượng ở khu vực Đông Nam Á nhằm ngăn chặn sự bành trướng của Cộng sản ở Đông Nam Á” (United States Department of Defense, 1967, p.A-10).

Đến lúc này Mĩ hiểu rằng, không thể thành lập một liên minh quân sự để can thiệp trực tiếp vào Đông Dương nữa, nên cần phải tính đến biện pháp khác. Ngày 15/6, Dulles đưa ra nhận định rằng sự can thiệp của Mĩ giờ đây là “bất khả thi hoặc quá nặng nề đến mức không

còn xứng với những kết quả có thể đạt được” (United States Department of Defense, 1967, p.A-24).

Vì vậy, Mỹ đã chuyển trọng tâm từ “Hành động liên hiệp” ở Đông Dương, sang thành lập tổ chức quân sự ở Đông Nam Á (tức SEATO). Một lần nữa, họ gắng sức chèo kéo Anh quốc tham gia SEATO và đặt Lào cùng với Campuchia “dưới cái ô bảo hộ của Hành động chung” (United States Department of Defense, 1967, p.A-24). Nhưng cũng như lần trước, Chính phủ của Churchill lại từ chối khéo đề nghị của Mỹ.

Vào cuối tháng 6, tình hình nước Pháp có chuyển biến mới không có lợi cho phe tư bản phương Tây. Chính phủ của Laniel sụp đổ trước áp lực của dư luận đòi chấm dứt chiến tranh. Mendes France của Đảng Xã hội được bầu làm Thủ tướng mới của Pháp, với lời hứa sẽ đạt được một thỏa thuận hòa bình tại Geneva trong vòng 04 tuần, nếu không sẽ từ chức. Lời tuyên bố của tân Thủ tướng Pháp đã gây ra một áp lực vô hình với các hai phe tham dự Hội nghị Geneva. Ngoại trừ Mỹ, không bên nào muốn Chính phủ của France sụp đổ. Vì nếu trường hợp đó xảy ra, chẳng ai dám chắc một chính phủ mới của Pháp sẽ theo hướng “điều hòa” hay “bò câu”. Bản thân nội các mới của Mendes France cũng phải đưa ra những có ý nghĩa nhượng bộ lớn hơn, đồng thời mong muốn có sự ủng hộ mạnh mẽ của Anh và Mỹ.

Đứng trước bối cảnh trên, Anh quốc cùng Mỹ đã đưa ra một bộ nguyên tắc 7 điểm để giúp Pháp đàm phán. Trong đó có sự nhượng bộ đặc biệt khi chấp nhận để phe cộng sản kiểm soát phần lãnh thổ phía bắc vĩ tuyến 18.

Mặc dù cùng Anh đưa ra bộ nguyên tắc 07 điểm để giúp Pháp gỡ thế bí trong thương lượng, Mỹ vẫn e ngại như thế là chưa đủ tránh cho miền Nam rơi vào tay cộng sản trong kì tổng tuyển cử. Ngoại trưởng Dulles nhận xét: “Thực tế là các cuộc bầu cử cuối cùng sẽ đưa đến một nước Việt Nam thống nhất dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh, điều quan trọng là cuộc bầu cử phải được tổ chức càng lâu sau hiệp định ngừng bắn càng tốt và trong điều kiện không bị đe dọa để trao cơ hội tốt nhất cho nền dân chủ [ở miền Nam Việt Nam]” (United States Department of Defense, 1967, p.A-39).

Vì vậy, chính quyền Mỹ không thay đổi mục tiêu tại Geneva. Ngày 24/6/1954, Ngoại trưởng Mỹ Dulles gửi chỉ thị cho Walter B. Smith – Đại diện của phái đoàn Mỹ tại Geneva – với nội dung: “Quan điểm hiện tại của chúng ta là vai trò của chúng ta sẽ được hạn chế ở mức quan sát mà thôi” (United States Department of Defense, 1967, p.A-36). Tiếp đó ngày 16/7, Dulles đưa ra hướng dẫn cụ thể về hành động của Hoa Kỳ tại Hội nghị Geneva. Theo đó, “nếu cần đạt được một thỏa thuận” thì phải “đưa ra một tuyên bố đơn phương (hoặc, nếu có thể, đa phương) về cơ bản phù hợp với giải pháp 7 điểm”. Tuy nhiên, Dulles nhấn mạnh: “Hoa Kỳ sẽ không trở thành người kí kết với Cộng sản bất kì tuyên bố nào” và rằng “không nên đặt Hoa Kỳ vào vị trí mà nước này có thể chịu trách nhiệm đảm bảo kết quả của Hội nghị”. Ngoại trưởng Mỹ cũng không quên căn dặn cấp dưới của mình khả năng can thiệp quân sự trong trường hợp Hội nghị Geneva tan vỡ: “Hoa Kỳ nên tránh cho người Pháp tin rằng đàm phán đổ vỡ là do lời khuyên hoặc áp lực của Hoa Kỳ, do đó, về mặt đạo đức, Mỹ

có nghĩa vụ can thiệp quân sự vào Đông Dương” (United States Department of Defense, 1967, p.A-42).

Tóm lại, trước và trong Hội nghị Geneva, Mỹ luôn tìm cách ngăn cản một thỏa thuận hòa bình; cố gắng lôi kéo Anh, Pháp vào liên minh quân sự (hay hành động liên hiệp) để can thiệp trực tiếp vào Đông Dương. Khi những ý đồ đó thất bại, Mỹ lại tìm cách giữ vai trò “quan sát”, không đưa ra bất kì cam kết nào, để tránh bị ràng buộc bởi Hiệp định Geneva. Từ đó, họ có thể rảnh tay để thực hiện ý đồ ở Việt Nam một cách lâu dài. Và thay vì dùng vũ lực như lúc đầu, Mỹ chuyển sang sử dụng con bài Ngô Đình Diệm để thay chân Pháp tại Đông Dương.

2.5. Chia cắt Việt Nam, “trung lập hóa” Lào và Campuchia

Trong giai đoạn đầu của cuộc đàm phán, do lập trường của phía VNDCCH và phía Pháp khác xa nhau nên Hội nghị bế tắc, thậm chí có những thời điểm tương chừng đở vờ. Trong bối cảnh những cuộc đàm phán về hòa bình đối với Triều Tiên đã không đạt kết quả, bầu không khí tại Hội nghị Geneva trở nên căng thẳng hơn. Tuy nhiên, đến tháng 6/1954, cuộc thương thuyết đã có những chuyển biến nhanh chóng khi VNDCCH và Pháp bắt đầu đưa ra những nhượng bộ. Về phía VNDCCH, họ đã chịu sức tác động không hề nhỏ từ phía Trung Quốc. Chu Ân Lai đã sắm vai một “thuyết khách” tầm cỡ, một “đại sứ hòa bình” tích cực đi lại như con thoi giữa các nước, các phe, để gỡ rối cho Hội nghị. Nhưng đằng sau những nỗ lực ấy là sự tính toán chiến lược nhằm mang lại ích tối đa cho Trung Quốc, chứ không phải để giúp những người đồng chí Việt Nam.

Các cuộc tiếp xúc riêng rẽ giữa Trung Quốc với Anh và Trung Quốc với Pháp ngày càng nhiều hơn và đóng vai trò quan trọng trong việc khai thông thế bế tắc của Hội nghị Geneva. Điều trớ trêu là VNDCCH mặc dù là một bên tham chiến chủ yếu, nhưng lại có rất nhiều cuộc đàm phán riêng với phía Pháp.

Ngày 16/6/1954, Thủ tướng Trung Quốc Chu Ân Lai có cuộc gặp riêng với Ngoại trưởng Anh Eden. Tại đây, Chu Ân Lai đã nói với Eden rằng ông ta có thể “thuyết phục được Việt Minh rút khỏi Lào và Campuchia”, tức là gián tiếp công nhận lập luận của phương Tây rằng Việt Minh “xâm lược” hai nước láng giềng này (Joyaux, 1981, p.371). Đồng thời, Trung Quốc sẵn sàng công nhận chính phủ “Vương quốc Lào” và “Vương quốc Campuchia” (trước nay vẫn bị phe cộng sản chỉ trích là tay sai của thực dân Pháp), với điều kiện Lào và Campuchia không trở thành căn cứ quân sự của Mỹ (Luu, 1996, p.182). Không những vậy, Chu Ân Lai còn đề nghị cho phép “Vương quốc Lào” và “Vương quốc Campuchia” được “nhập số vũ khí cần thiết cho việc phòng thủ”, bất chấp việc hai chính quyền này đang chống lại Pathet Lào và Khmer Issarak (Joyaux, 1981, p.374).

Nhận thấy Trung Quốc đã có những nhượng bộ đáng kể, Eden thuyết phục Bộ trưởng Ngoại giao Pháp Bidault trao đổi trực tiếp với Chu Ân Lai. Trong cuộc gặp ba bên diễn ra vào ngày 17/6, Chu Ân Lai khẳng định lại quan điểm của mình: “Chúng tôi muốn thấy hai nước ấy (Lào và Campuchia) trở thành những nước dân chủ và hòa bình, theo kiểu các nước

mới ở Đông Nam châu Á như: Indonesia, Myanmar và Ấn Độ. Các nước đó có thể gia nhập Liên hiệp Pháp nếu họ muốn vậy... Nhưng chúng tôi không muốn Lào và Campuchia trở thành căn cứ của Mĩ... Đó sẽ là mối đe dọa với an ninh của Trung Quốc” (Joyaux, 1981, p.378-379). Cũng theo Chu Ân Lai, phải thừa nhận trên thực tế sự tồn tại của lực lượng kháng chiến Lào và Campuchia (tức Pathet Lào và Khmer Issarak). Do vậy, ở Campuchia, nên thực hiện cuộc ngừng bắn tại chỗ. Còn với Lào, do phong trào kháng chiến mạnh hơn, nên lực lượng kháng chiến cần được tập kết tại một khu vực gần biên giới Trung Quốc và Việt Nam (Joyaux, 1981, p.379). Ông ta còn cho biết, Trung Quốc sẵn sàng chấp nhận việc Việt Nam có hai chính quyền, đồng thời từ bỏ yêu cầu có đại biểu của Pathet Lào và Khmer Issarak tham dự Hội nghị nếu “quân đội nước ngoài” rút khỏi Lào và Campuchia (Vietnam’s Ministry of Foreign Affairs, 1979, p.28). Cái gọi là “quân đội nước ngoài” ở đây bao gồm quân viễn chinh Pháp và quân đội nhân dân Việt Nam.

Trong giai đoạn thứ hai của cuộc đàm phán hòa bình tại Geneva, việc xác định vùng tập kết để chuyển quân của các bên tham chiến trở thành vấn đề gai góc nhất. Cả VNDCCH và Pháp đều tỏ thái độ cứng rắn. Phía VNDCCH muốn tập kết, chuyển quân tại các địa điểm xen kẽ theo kiểu da báo, bắt đắc dĩ mới phải dùng đường giới tuyến phân chia, nhưng trong trường hợp đó thì cố gắng đẩy ranh giới về phía Nam càng xa càng tốt, vào khoảng Vĩ tuyến 13 hoặc 14. Trong khi phía Pháp thì muốn có vùng giới tuyến đặt ở gần Đồng Hới (Vĩ tuyến 18) theo bản nguyên tắc 7 điểm.

Phía Pháp sau thời gian dài đàm phán căng thẳng đã có những thay đổi về lập trường trong giai đoạn cuối của Hội nghị. Chính quyền Pháp đồng ý để vùng đồng bằng sông Hồng màu mỡ và quan trọng cho Việt Minh kiểm soát, đây là bước nhượng bộ đáng kể của Paris. Đối với vấn đề đường giới tuyến, Pháp chấp nhận có thể lui thêm về phía Nam, nhưng yêu cầu không được quá xa Đồng Hới và phải kiểm soát được Huế, Đà Nẵng cùng Quốc lộ 9 (giúp “Vương quốc Lào” có đường ra biển). Đòi hỏi này của Pháp đã vấp phải sự phản đối của VNDCCH. Bởi những người cộng sản Việt Nam cho rằng yêu sách Pháp đưa ra là vô lí, không tương xứng với tình hình hai bên trên chiến trường.

Lúc này, Trung Quốc một lần nữa lại sắm vai “sứ giả”, đứng ra dàn xếp cho hai bên. Ngày 23/6, Thủ tướng Chu Ân Lai có cuộc gặp với người đồng cấp bên phía Pháp là Mendes France. Tại đây, Chu Ân Lai cho biết rằng ông ta có thể “thúc đẩy đoàn đại biểu Việt Nam Dân chủ cộng hòa nhích lại gần không những với Pháp mà với cả Việt Nam của Bảo Đại” (Joyaux, 1981, p.395). Sau cuộc hội kiến với Mandes France, Chu tới gặp Phạm Văn Đồng và yêu cầu ông Đồng không “mặc cả” Vĩ tuyến 16 hoặc 17. “Cho Mendes France một chút thể diện sẽ là một cái giá nhỏ phải trả cho việc rút quân Pháp của ông ta” - Chu giải thích (Zhai, 2000, p.58).

Rõ ràng, điều Trung Quốc quan tâm hơn cả là ngăn Mĩ can thiệp vào Đông Dương, uy hiếp sườn phía Nam của họ. Để đạt được mục đích, Bắc Kinh không ngần ngại thỏa hiệp với phương Tây, cho dù sự thỏa hiệp ấy có thể đi ngược lại các giá trị mà những đồng minh của

họ đang theo đuổi. Vương Bính Nam – trợ lí của Chu Ân Lai – trong cuộc gặp với người đồng cấp bên phía Pháp là Đại tá Guillerma, đã thẳng thừng tuyên bố: “Chúng tôi đến đây không phải để ủng hộ quan điểm của Việt Minh mà để làm hết sức mình lập lại hòa bình” (Joyaux, 1981, p.324). Vị Tổng thư kí họ Vương còn cho hay: “Trường hợp của Việt Nam không giống như Pathet Lào và Campuchia”. Ông ta nhận xét thêm: “Về phương diện này, lập trường của Đoàn đại biểu Trung Quốc hoàn toàn phù hợp với đoàn đại biểu Pháp” (Joyaux, 1981, p.325).

Càng về giai đoạn sau, sự thỏa hiệp của Trung Quốc với phe tư bản càng thể hiện rõ. Tại cuộc gặp ngày 13/7, Chu Ân Lai đã gợi ý với Mandes France: “Tôi tin rằng nếu các ngài tiến lên một bước thì bên kia sẽ đi nhiều bước hơn về phía các ngài” (Joyaux, 1981, p.456). Thậm chí, họ chẳng ngần ngại khi công khai thái độ hòa hoãn đó trước mặt những người đồng chí Việt Nam. Trong buổi tiệc tối ngày Hiệp định được kí kết, Ngô Đình Luyện – đại diện của Chính phủ Bảo Đại đã hỏi Chu Ân Lai có thể tới Bắc Kinh với danh nghĩa nào. Người đứng đầu Chính phủ Trung Quốc đã trả lời không chút do dự: “Tại sao không đặt một cơ quan đại diện tại Bắc Kinh?” (Joyaux, 1981, p.490).

Song song với việc thỏa hiệp với phương Tây, Trung Quốc liên tục gia tăng sức ép nhằm buộc phía VNDCCH nhượng bộ nhiều hơn. Trong bức điện ngày 30/5/1954 của Thủ tướng Chu Ân Lai gửi Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, được sao gửi cho Đảng Lao động Việt Nam có đoạn viết: “Đánh giá (phương án Vĩ tuyến 16) khó có thể thỏa thuận, nếu không được thì có thể lấy Hải Phòng làm cửa bể tự do, ở gần đấy cho Pháp đóng một số quân nhất định, nếu không được nữa thì đem đường số 5 và Hà Nội, Hải Phòng làm khu cộng quản và phi quân sự” (Vietnam’s Ministry of Foreign Affairs, 1979, p.30).

Từ ngày 03 đến 05 tháng 7, Chủ tịch Hồ Chí Minh có cuộc gặp với Thủ tướng Chu Ân Lai ở Liễu Châu (Trung Quốc) để bàn về những vấn đề tối quan trọng tại Hội nghị Geneva. Tại cuộc gặp này, Chu Ân Lai đã đề xuất “tại Việt Nam lấy Vĩ tuyến 16 làm giới tuyến; Lào, Campuchia trung lập, cô lập Bảo Đại, hai năm sau do Liên Hợp Quốc giám sát bầu cử”. Cũng theo Chu thì cần “áp dụng mô hình Triều Tiên vào vấn đề Việt Nam, vạch ra một giới tuyến tạm thời, xem ra phải cắt miền Nam, miền Nam tạm thời không có lợi”. Ông ta còn cảnh báo lãnh đạo Đảng Việt Nam về khả năng can thiệp của Mỹ sẽ làm cho tình hình thêm phức tạp. Vì thế, Chu khuyên phía lãnh đạo Đảng Việt Nam nên quán triệt tinh thần tới cán bộ các cấp ủy rằng: “nếu đánh nhau nữa, về quân sự không thể giành được cả Việt Nam, mà lợi ích trước mắt cũng không thể giữ nổi. Còn nếu sử dụng phương pháp hòa bình thì khả năng giành được cả Việt Nam, nhưng cũng không phải là nói nhất định giành được, phải xem sự phát triển” (Nguyen & Le, 2008, p.149). Chu còn yêu cầu Việt Nam nhân nhượng thêm cho Pháp nhiều quyền lợi để đạt được thỏa thuận, đó là: để Pháp nắm cảng Hải Phòng; có thể tính lấy đường Quốc lộ 9 làm giới tuyến (tức Vĩ tuyến 17); lấy cảng Đà Nẵng, Thuận Hóa lưu lại cho Pháp một, hai năm (Nguyen, & Le, 2008, p.150). Những yêu cầu của Trung

Quốc khiến Việt Nam không hài lòng. Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng Vĩ tuyến 13 là hợp lí, Vĩ tuyến 17 đối với Việt Nam là không thể chấp nhận, ít nhất cũng phải giành được Vĩ tuyến 16 như trước đây phe Đồng minh đã chọn làm ranh giới để giải giáp quân Nhật tại Đông Dương (Nguyen (ed), 2015, p.154). Về thời hạn tổng tuyển cử, Chủ tịch Hồ Chí Minh đề xuất 6 tháng, nhưng Chu lại đề nghị hai năm. Chủ tịch Hồ Chí Minh bày tỏ, lực lượng kháng chiến đã rút ra miền Bắc mà phải chờ đến hai năm mới tổng tuyển cử thì sẽ rất khó khăn (Luu, 1996, p.185). Trước phản ứng của Việt Nam, Chu Ân Lai khẳng định sẽ cùng Liên Xô cố gắng thực hiện ý kiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhưng xin được linh hoạt về vĩ tuyến nếu đàm phán gặp khó khăn (Nguyen (ed), 2015, p.154).

Sau này, trong cuộc hội đàm với Lê Đức Thọ vào ngày 17/10/1968, Bộ Trưởng Ngoại giao Trung Quốc Trần Nghị đã thừa nhận: “Chúng ta kí Hiệp định Geneva 1954 khi Mĩ không đồng ý làm như vậy. Chúng ta rút lực lượng vũ trang từ Nam ra Bắc, để cho đồng bào miền Nam bị giết hại. Chúng tôi đã mắc sai lầm, trong đó chúng tôi chia sẻ một phần trách nhiệm” (Khuo, 2011, p.54). Chủ tịch Mao Trạch Đông nói với Thủ tướng Phạm Văn Đồng (ngày 17/11/1968) rằng: “Chúng ta mắc sai lầm là họp Geneva năm 1954. Lúc bấy giờ Hồ Chủ tịch không bằng lòng lắm. Hồ Chủ tịch không dễ gì bỏ miền Nam, xem lại thì tôi thấy đồng chí Hồ Chí Minh đúng” (Pham, 2018, p.116).

Đặc biệt vào thời kì nước rút của Hội nghị Geneva, Trung Quốc càng tạo thêm nhiều áp lực lên phía VNDCCH. Ngày 10/7, Chu Ân Lai gửi điện cho Trung ương Đảng Lao động Việt Nam, trong đó có đoạn viết: “Có những điều kiện công bằng và hợp lí để Chính phủ Pháp có thể nhận được, để đi đến hiệp định trong vòng 10 ngày, điều kiện đưa ra nên giản đơn, rõ ràng, dễ đi đến hiệp thương, không nên làm phức tạp lời thôi để tránh thảo luận mất thời giờ, rườm rà, kéo dài đàm phán để cho Mĩ phá hoại” (Vietnam’s Ministry of Foreign Affairs, 1979, p.30-31). Tiếp đó, ngày 12/7/1954, Chu Ân Lai đã lấy cuộc Chiến tranh Triều Tiên làm ví dụ để cảnh báo Trường đoàn đàm phán VNDCCH về hậu quả của sự can thiệp của Mĩ (Zhai, 2000, p.62). Trong bối cảnh đồng minh chủ chốt ngầm đe dọa ngưng viện trợ, còn đồng minh lớn thứ hai lại không có phản ứng gì, thì sức ép đè lên VNDCCH quả thực vô cùng nặng nề. Sau này, ông Lê Đức Thọ nhớ lại: “Hoàn cảnh riêng của anh em lúc bấy giờ còn có những khó khăn như vậy, chả lẽ [Việt Nam] mình cứ đòi hỏi anh em vì mình mãi sao? Không thể không quan tâm đến lợi ích của Liên Xô và Trung Quốc lúc bấy giờ, thành thử nếu nhờ anh em giúp đỡ để đánh nữa thì có những cái khó khăn khách quan của nó. Và sự thật là Liên Xô và Trung Quốc lúc đó không thể giúp ta đánh nữa, cho nên đều chủ trương kí Hiệp định Geneva” (Le, 1989, p.39).

Ngày 20/7/1954, đúng vào hạn chót mà Chính phủ Mendes France hứa sẽ đạt được thỏa thuận hòa bình, Hiệp định Geneva được kí kết. Theo đó, Hiệp định gồm những nội dung chính sau: thực hiện lệnh ngừng bắn; lập giới tuyến quân sự tạm thời ở Vĩ tuyến 17 và khu phi quân sự; Quân đội nhân dân Việt Nam tập kết ở phía Bắc giới tuyến, quân đội Liên hiệp Pháp và Quốc gia Việt Nam ở phía Nam giới tuyến; Pháp công nhận chủ quyền của

Campuchia, Lào và Việt Nam; cấm hai bên tăng quân số, nghiêm cấm việc xây dựng, căn cứ quân sự mới, nghiêm cấm liên minh với quân đội nước ngoài và có căn cứ quân sự của nước ngoài; tổ chức tổng tuyển cử để thống nhất Việt Nam vào tháng 07/1956; lập Ủy ban kiểm soát quốc tế gồm Ấn Độ, Canada và Ba Lan để giám sát việc thi hành Hiệp định (Nguyen, 2016, p.154-155)

Hồ sơ tối mật của Bộ Quốc phòng Mỹ về Chiến tranh Việt Nam đánh giá kết quả của Hiệp định Geneva như sau: “Bằng cách tạo ra hai chế độ chịu trách nhiệm chính quyền dân sự, bằng cách tổ chức việc tập kết hai phe quân sự vào trong hai khu vực và cho người dân tự do chọn vùng và bằng cách xếp đặt một cuộc bầu cử quốc gia trong hai năm, các thành viên của Hội nghị, dù họ đã dự định bất cứ điều gì, đã không giải quyết tương lai chính trị cho Việt Nam. Việc chia cắt Việt Nam ở vĩ tuyến 17 được thiết kế để tạo điều kiện thuận lợi cho các hiệp ước đình chiến, nhưng trên thực tế nó cũng tạo điều kiện cho sự phát triển của chính phủ hai “nước” theo triết lý thù địch với nhau về chính trị, về chính sách đối ngoại, và về hệ thống kinh tế - xã hội. Như vậy, việc thống nhất đất nước thông qua bầu cử ở Việt Nam là xa vời như với Triều Tiên hay Đức” (United States Department of Defense, 1967, p.D-25).

3. Kết luận

Kết quả của Hội nghị Geneva 1954 đã thể hiện xu thế hòa hoãn giữa hai cực, hai phe và giữa các cường quốc với nhau hơn là phản ánh đúng cục diện trên chiến trường. Các cường quốc tích cực thỏa hiệp, đổi chác với nhau vì quyền lợi của riêng mình chứ không vì những nguyện vọng chính đáng của nhân dân ba nước Đông Dương. Cả Pháp, Anh, Liên Xô và Trung Quốc đều hài lòng với Hiệp định này. Đặc biệt, Trung Quốc đóng vai trò quan trọng nhất, nổi bật nhất trong việc chi phối kết quả của Hội nghị lần này. Đối với VNDCCH, mặc dù là bên giành chiến thắng quân sự, nhưng đã không thể tự mình quyết định mọi vấn đề và phải chịu sức ép không nhỏ từ hai nước đồng minh lớn là Liên Xô và Trung Quốc. Việc chia cắt Việt Nam bằng giới tuyến quân sự tạm thời tại vĩ tuyến 17 và thời hạn tổng tuyển cử kéo dài đến hai năm đã gây ra rất nhiều khó khăn cho cách mạng Việt Nam do Mỹ quyết thay chân Pháp tại Đông Dương. Phải mất thêm 20 năm nữa, cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở Việt Nam mới hoàn thành trọn vẹn.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Friedman, J. (2015). *Shadow Cold War: The Sino-Soviet Competition for the Third World*. Chapel Hill: The University of North Carolina Press.
- Hering, G. C. (1998). *Cuoc chien tranh dai ngay nhat cua nuoc Mi [America's Longest War: The United States and Vietnam: 1950 – 1975]*. Hanoi: National Political Publishing House.
- Ho, C. M. (2011). *Ho Chi Minh: Toan Tap (Tap 8) [Ho Chi Minh: Full Episode (Episode 8)]*. Hanoi: National Political Publishing House.
- Joyaux, F. (1981). *Trung Quoc va viec giai quyet cuoc chien tranh Dong Duong lan thu nhat: Geneve 1954 (bản 656 trang) [China and the Settlement of the First Indochina Conflict: Geneva 1954 (version 656 pages)]*. Hanoi: Theoretical Information Publishing House.
- Khoo, N. (2011). *Collateral Damage: Sino-Soviet Rivalry and the Termination of the Sino-Vietnamese Alliance*. New York: Columbia University Press.
- Le, D. T. (1989). *Mot so van de ve tong ket chien tranh va bien soan lich su quan su [Some Issues about Summarizing the War and Compiling Military History]*. Hanoi: Truth Publishing House.
- Luu, V. L. (1996). *Nam muoi nam ngoai giao Viet Nam: 1945 – 1995 (Tap 1) [Fifty Years of Vietnamese Diplomacy: 1945 – 1995. Vol.1]*. Hanoi: People's Public Security Publishing House.
- Ly, K. (2008). *Trung-Xo-Mi: Cuoc doi dau lich su [China - Soviet Union - United States: Historical Confrontation]*. Hanoi: Youth Publishing House.
- Nguyen, D. B., ed. (2015). *Ngoai giao Viet Nam 1945 – 2000 [Vietnamese Diplomacy 1945 – 2000]*. Hanoi: National Political Publishing House.
- Nguyen, V. B., & Le, N. T. (2008). *Nhung cuoc thuong luong lich su thoi dai Ho Chi Minh [Historical Negotiations in the Ho Chi Minh era]*. Hanoi: Labor Publishing House.
- Nguyen, V. H. (2016). *Phan xet: Cac nuoc lon da can thiep vao chien tranh Viet Nam nhu the nao? [Judgment: How did Major Countries Intervene in the Vietnam War?]*. Hanoi: People's Public Security Publishing House.
- Pham, Q. M. (2018). *Quan he tam giac Viet Nam – Lien Xo – Trung Quoc trong khang chien chong My [Vietnamese-Soviet-Chinese Triagle Relation in the Resistance War Against the United States]*, Hanoi: Vietnam National University Press, Hanoi.
- Roberts, P., ed. (2006). *Behind the Bamboo Curtain: China, Vietnam, and the World beyond Asia*. Stanford: Stanford University Press.
- United States Department of Defense (1967). *The United States – Vietnam Relations: 1945 – 1967. Part III: The Geneva Accords*. Washington D.C: Department of Denfense Office – Vietnam Task Force.
- Vietnam's Ministry of Foreign Affairs (1979). *Su that quan he Viet Nam – Trung Quoc trong 30 nam qua [The Truth about Vietnamese – Chinese Relations in the Past Thirty Years]*. Hanoi: Truth Publishing House.
- Zhai, Q. (2000). *China and Vietnam Wars: 1950-1975*. Chapel Hill: The University of North Carolina Press.

**THE INTERVENTION OF GREAT POWER TO THE OUTCOME
OF THE GENEVA CONFERENCE 1954**

Vu Hung Phi

Sai Gon University, Vietnam

Corresponding author: Vu Hung Phi – Email: vtpplan@gmail.com

Received: July 20, 2022; Revised: February 22, 2023; Accepted: February 26, 2023

ABSTRACT

The Geneva Accords on July 20, 1954, is considered a great diplomatic victory for the people of the three Indochinese countries after a nine-year struggle against the invasion of the French. However, it is incomplete because the Agreement did not truly reflect the positions and power of the parties on the battlefield. This article analyzes and points out the strategic planning of major countries and the specific ways they used to interfere with the outcomes of the Geneva Accords. China and the US hold prominent roles in this Conference. On the one hand, the US wished to use military measures and refused to sign the Agreement. On the other hand, China was eager to settle, put pressure on its allies, and even “made secret deals” with different powers for a compromise. Finally, Vietnam was temporarily divided into two parts at the 17th parallel and lasted 20 years on the Indochinese Peninsula.

Keywords: Geneva Conference; great powers; history of Vietnam’s foreign relations; intervention; Indochina; international relations